

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-42
Bảng cân đối kế toán	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10-11
Thuyết minh Báo cáo tài chính	12-42



CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 01 năm 2006 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300399360 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ mười một ngày 27 tháng 07 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Bá Ôn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01/04/2015
Ông Bùi Văn Hùng	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 01/04/2015
Ông Phạm Công Thảo	Thành viên	
Ông Nguyễn Minh Xuân	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 01/07/2015
Ông Lê Văn Hồng	Thành viên	
Ông Trương Bá Liêm	Thành viên	
Ông Đặng Huy Hiệp	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01/07/2015

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đặng Huy Hiệp	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/07/2015
Ông Nguyễn Minh Xuân	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/07/2015
Ông Trương Bá Liêm	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đinh Thái Ngọc	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/08/2015

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Hoàng Lê Ánh	Trưởng ban
Ông Đậu Vũ Châu	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Trường	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



Đặng Huy Hiệp
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 01 năm 2016

Số: 331/2016/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh được lập ngày 18 tháng 01 năm 2016, từ trang 06 đến trang 42, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán với ý kiến chấp nhận toàn phần và bổ sung vấn đề cần nhấn mạnh về việc ghi nhận lãi chậm trả theo nguyên tắc thực thu.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Quốc Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0285-2013-002-1

Trần Quang Mậu
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0668-2013-002-1

Hà Nội, ngày 11 tháng 03 năm 2016



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		604.934.263.996	807.556.252.239
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	20.341.953.733	10.835.472.681
111	1. Tiền		20.341.953.733	10.835.472.681
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	9.200.000.000	4.255.000.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh		23.000.000.000	23.000.000.000
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)		(13.800.000.000)	(18.745.000.000)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		244.411.259.111	350.044.590.221
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	214.467.688.252	361.286.506.699
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		20.211.087.678	11.088.559.557
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	11.305.602.604	11.150.732.358
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(1.573.119.423)	(33.481.208.393)
140	IV. Hàng tồn kho	8	328.605.887.469	433.800.110.874
141	1. Hàng tồn kho		348.654.526.684	443.997.395.778
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(20.048.639.215)	(10.197.284.904)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.375.163.683	8.621.078.463
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	270.493.258	85.994.411
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.252.004.988	8.457.002.086
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	852.665.437	78.081.966
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		254.298.642.793	284.846.268.086
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		280.000.000	280.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	280.000.000	280.000.000
220	II. Tài sản cố định		126.399.065.546	141.553.245.900
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	36.060.151.374	51.023.941.444
222	- Nguyên giá		71.293.921.959	89.222.889.678
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(35.233.770.585)	(38.198.948.234)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	90.338.914.172	90.529.304.456
228	- Nguyên giá		91.195.670.450	91.195.670.450
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(856.756.278)	(666.365.994)
230	III. Bất động sản đầu tư	12	110.339.034.454	116.396.883.278
231	- Nguyên giá		145.463.787.768	145.469.398.960
232	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(35.124.753.314)	(29.072.515.682)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		934.400.909	2.766.622.639
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	934.400.909	2.766.622.639
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	13.659.354.000	23.587.633.300
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		35.079.250.000	37.587.633.300
254	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)		(21.419.896.000)	(14.000.000.000)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		2.686.787.884	261.882.969
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	2.686.787.884	261.882.969
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		859.232.906.789	1.092.402.520.325

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		583.097.586.952	761.611.527.146
310	I. Nợ ngắn hạn		563.178.356.227	735.479.197.144
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	37.055.101.876	209.616.100.543
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		6.245.944.565	4.335.393.720
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	295.925.494	3.209.757.975
314	4. Phải trả người lao động		6.249.067.869	10.010.800.980
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	716.351.822	1.816.460.391
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	1.880.205.091	2.493.097.396
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	510.212.919.408	500.870.120.484
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		522.840.102	3.127.465.655
330	II. Nợ dài hạn		19.919.230.725	26.132.330.002
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	19.919.230.725	17.972.330.003
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	-	8.159.999.999
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		276.135.319.837	330.790.993.179
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	276.135.319.837	330.790.993.179
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		210.000.000.000	210.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		210.000.000.000	210.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		37.225.230.000	37.225.230.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		60.535.503.997	57.658.556.822
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.773.466.830	1.573.466.830
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(33.398.880.990)	24.333.739.527
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		43.105.597	1.877.558.172
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		(33.441.986.587)	22.456.181.355
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		859.232.906.789	1.092.402.520.325

Mai Viêt Thanh Vân
Người lập

Võ Thị Lệ Châu
Kế toán trưởng



Đặng Huy Hiệp
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 01 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	2.046.560.714.090	2.928.534.888.201
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	4.068.329.900	8.689.462.435
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.042.492.384.190	2.919.845.425.766
11	4. Giá vốn hàng bán	23	2.016.538.625.638	2.796.207.398.543
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		25.953.758.552	123.638.027.223
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	14.406.536.626	23.425.131.973
22	7. Chi phí tài chính	25	40.854.368.900	36.466.868.421
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		34.387.252.544	35.066.799.300
25	8. Chi phí bán hàng	26	36.494.952.082	46.286.243.269
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	20.412.396.933	40.311.642.792
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(57.401.422.737)	23.998.404.714
31	11. Thu nhập khác	28	26.849.688.273	6.558.997.603
32	12. Chi phí khác	29	1.765.760.793	1.445.735.544
40	13. Lợi nhuận khác		25.083.927.480	5.113.262.059
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(32.317.495.257)	29.111.666.773
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	1.124.491.330	6.655.485.418
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(33.441.986.587)	22.456.181.355
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	(1.592)	1.069

Mai Viêt Thanh Vân
Người lập

Võ Thị Lệ Châu
Kế toán trưởng



Đặng Huy Hiệp
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 01 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(32.317.495.257)	29.111.666.773
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		11.910.485.626	12.357.141.288
03	- Các khoản dự phòng		17.167.578.670	4.325.650.100
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		42.543.995	(43.105.597)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(46.497.263.787)	(21.558.235.165)
06	- Chi phí lãi vay		34.387.252.544	35.066.799.300
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(15.306.898.209)	59.259.916.699
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		108.092.195.630	(90.770.843.428)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		95.342.869.094	27.706.065.950
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(174.915.308.617)	76.543.571.199
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(2.609.403.762)	146.929.047
14	- Tiền lãi vay đã trả		(34.385.190.366)	(35.195.051.891)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.253.875.932)	(17.816.615.795)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2.604.625.553	114.000.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(7.799.885.036)	(3.197.857.716)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(30.230.871.645)	16.790.114.065
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.626.338.408)	(11.187.975.083)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		22.574.422.181	-
25	3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(1.613.978.436)	(21.079.250.000)
26	4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		39.550.977.000	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		624.060.745	21.531.524.097
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		59.509.143.082	(10.735.700.986)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		2.165.202.781.646	2.959.915.213.147
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(2.164.019.982.721)	(2.965.818.901.360)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(20.984.931.500)	(17.843.094.675)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(19.802.132.575)	(23.746.782.888)

106 -
 B. TY
 H. H. H. H.
 H. M. T. O.
 S. C.
 M. TP.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		9.476.138.862	(17.692.369.809)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		10.835.472.681	28.525.964.638
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		30.342.190	1.877.852
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>20.341.953.733</u>	<u>10.835.472.681</u>



Mai Viêt Thanh Vân
Người lập



Võ Thị Lệ Châu
Kế toán trưởng



Đặng Huy Hiệp
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 01 năm 2016



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 01 năm 2006 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300399360 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ mười một ngày 27 tháng 07 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 210.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 210.000.000.000 đồng; tương đương 21.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh thương mại, dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh

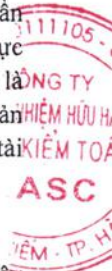
Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2015, Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh cùng Công ty Cổ phần Thanh Phúc Phương Nam, Ông Đoàn Quang Minh, Ông Nguyễn Chí Dũng thống nhất thành lập Công ty Cổ phần Depot Sài Gòn với số vốn điều lệ là 38 tỷ đồng. Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh góp vốn bằng tài sản cố định với tổng giá trị là 29.517.000.000 đồng (giá trị đã được đánh giá lại), chiếm 77,68% tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Depot Sài Gòn, mục đích đầu tư của Công ty là bán công cụ vốn để kiếm lời. Đến tháng 9/2015, Công ty đã thực hiện chuyển nhượng lại phần vốn góp của mình cho các thành viên còn lại, giá trị chuyển nhượng phần vốn góp là 35.420.400.000 đồng, lãi từ chuyển nhượng vốn là 5.903.400.000 đồng. Toàn bộ thu nhập từ đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn đã được ghi nhận vào thu nhập khác, lãi từ chuyển nhượng góp vốn được ghi tăng thu nhập tài chính. Điều này dẫn đến thu nhập khác trên kết quả kinh doanh năm nay của Công ty tăng lên đáng kể.

Cuối năm 2015, Công ty đã thực hiện chuyển nhượng dự án Số 5 Quốc Hương, Quận 2 cho Công ty Cổ phần Xây dựng Phước Thành, tổng giá trị chuyển nhượng là 23.006.814.000 đồng, trong đó bao gồm 16.827.904.000 đồng là tiền thuê đất Công ty trả tiền một lần, 6.178.910.000 đồng là lãi chuyển nhượng và tiền thuế GTGT.



Cấu trúc doanh nghiệp**Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:**

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 1	Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại thép
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 2	Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại thép
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 3 (*)	Long An	Kinh doanh thương mại thép
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 5	Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại thép
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 6	Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại thép
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 7	Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại thép
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 11	Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại thép
Chi nhánh Miền Tây	Cần Thơ	Kinh doanh thương mại thép
Chi nhánh Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Kho chứa hàng	Long An	Kho chứa hàng

(*): Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 3 đã giải thể ngày 01/11/2015.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC, tại Thuyết minh số 38.

2.4 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Chúng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chúng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chúng khoán kinh doanh.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chúng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác: căn cứ vào Báo cáo tài chính của bên được đầu tư tại thời điểm trích lập dự phòng.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định và Bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 25	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 06	năm
- Tài sản cố định khác	10	năm
- Quyền sử dụng đất	20 - 50	năm

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 30	năm
- Quyền sử dụng đất	50	năm

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.14 . Vay

Các khoản vay và nợ phải trả được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.18 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.19 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.20 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.21 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.23 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	1.316.267.977	1.604.283.241
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	19.025.685.756	9.231.189.440
	<u>20.341.953.733</u>	<u>10.835.472.681</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINHSố 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Chứng khoán kinh doanh**

	31/12/2015			01/01/2015		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Cổ phiếu Công ty CP Thép Nhà Bè (1.150.000 cổ phiếu) (*)	23.000.000.000	9.200.000.000	(13.800.000.000)	23.000.000.000	4.255.000.000	(18.745.000.000)
	23.000.000.000	9.200.000.000	(13.800.000.000)	23.000.000.000	4.255.000.000	(18.745.000.000)

(*): Giá cổ phiếu của Công ty CP Thép Nhà Bè tại thời điểm 31/12/2015 trên thị trường Chứng khoán là 8.000 đồng/cổ phiếu.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2015			01/01/2015		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào đơn vị khác	35.079.250.000	13.659.354.000	(21.419.896.000)	37.587.633.300	23.587.633.300	(14.000.000.000)
- Công ty TNHH VNS DAEWOO	21.079.250.000	13.659.354.000	(7.419.896.000)	21.079.250.000	21.079.250.000	-
- Công ty CP Thép Tấm lá Thống Nhất	14.000.000.000	-	(14.000.000.000)	14.000.000.000	-	(14.000.000.000)
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	-	-	2.508.383.300	2.508.383.300	-
	35.079.250.000	13.659.354.000	(21.419.896.000)	37.587.633.300	23.587.633.300	(14.000.000.000)

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trên được xác định dựa trên cơ sở vốn chủ sở hữu và tỷ lệ phần trăm vốn góp trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán của Công ty TNHH VNS Daewoo và Công ty CP Thép Tấm lá Thống Nhất.

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty TNHH VNS DAEWOO	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	10%	10%	Kinh doanh thương mại sắt, thép các loại
- Công ty CP Thép Tấm lá Thống Nhất	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	7%	7%	Sản xuất kinh doanh thép tấm lá



CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINHSố 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty Cổ phần Thép Tấm lá Thống Nhất	56.820.220.480	56.396.880.620
- Các khoản phải thu khách hàng khác	157.647.467.772	304.889.626.079
	<u>214.467.688.252</u>	<u>361.286.506.699</u>
b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán		
- Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn	214.467.688.252	361.286.506.699
	<u>214.467.688.252</u>	<u>361.286.506.699</u>
c) Phải thu khách hàng là các bên liên quan		
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37.	<u>69.014.539.980</u>	<u>84.764.894.805</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

6 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	11.305.602.604	(466.129.985)	11.150.732.358	-
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	90.000.000	-	-	-
- Phải thu về bảo hiểm xã hội	20.752.856	-	-	-
- Phải thu về bảo hiểm y tế	217.350	-	-	-
- Tạm ứng	203.865.350	-	290.603.493	-
- Ký cược, ký quỹ	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
- Phải thu phí ủy thác và bảo hiểm hàng nhập khẩu	8.244.941	-	77.474.275	-
- Phải thu tiền dịch vụ cho thuê kho, tiền điện, phí quản lý	648.712.801	-	502.824.963	-
- Phải thu tiền chiết khấu thương mại được hưởng Công ty TNHH Thép Vinakyoie và Công ty TNHH Thép Miền Nam	4.571.977.910	-	662.414.050	-
- Phải thu các nhà thầu Công trình 193 Đinh Tiên Hoàng	-	-	320.405.697	-
- Phải thu cá nhân bồi thường hàng thiếu	-	-	635.138.401	-
- Phải thu khách hàng quá hạn quy trách nhiệm cho cá nhân	2.322.837.769	(466.129.985)	5.222.343.484	-
- Phải thu lãi chậm trả	195.620.738	-	349.640.995	-
- Phải thu chiết khấu bán hàng của Tôn Phương Nam	26.388.373	-	-	-
- Phải thu khác	216.984.516	-	89.887.000	-
b) Dài hạn	280.000.000	-	280.000.000	-
- Ký cược, ký quỹ	280.000.000	-	280.000.000	-
	11.585.602.604	(466.129.985)	11.430.732.358	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

7 . NỢ XẤU

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	3.430.603.013	1.857.483.590	47.407.696.527	13.926.488.134
- Nguyễn Thái Bình	932.259.969	466.129.985	-	-
- Công Ty Cổ phần Đầu Tư GoHome	608.219.451	304.109.726	-	-
- Công ty TNHH MTV Thép Nguyễn Huy	798.514.199	558.959.939	-	-
- Các khoản khác	1.091.609.394	528.283.940	47.407.696.527	13.926.488.134
	3.430.603.013	1.857.483.590	47.407.696.527	13.926.488.134

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	81.523.716	-	78.667.393	-
Công cụ, dụng cụ	50.547.298	-	-	-
Hàng hoá	348.522.455.670	(20.048.639.215)	443.918.728.385	(10.197.284.904)
	348.654.526.684	(20.048.639.215)	443.997.395.778	(10.197.284.904)

9 . XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Dự án Số 5 Quốc Hương, Thảo Điền, Quận 2	-	988.927.272
- Dự án Chung cư Phú Thuận	934.400.909	863.946.364
- Dây chuyền máy cán thép cuộn bẹp, pup - Linh Trung	-	913.749.003
	934.400.909	2.766.622.639

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	52.436.943.758	31.106.005.285	4.026.294.749	362.875.055	1.290.770.831	89.222.889.678
- Mua trong năm	-	-	140.000.000	214.348.000	-	354.348.000
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	1.271.990.408	-	-	-	1.271.990.408
- Thanh lý, nhượng bán	(345.307.969)	-	-	(73.090.909)	-	(418.398.878)
- Góp vốn đầu tư	(17.976.376.113)	(918.071.084)	(242.460.052)	-	-	(19.136.907.249)
Số dư cuối năm	34.115.259.676	31.459.924.609	3.923.834.697	504.132.146	1.290.770.831	71.293.921.959
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	19.914.573.821	13.796.895.852	3.510.548.685	275.141.276	701.788.600	38.198.948.234
- Khấu hao trong năm	2.274.092.924	2.942.441.559	245.450.593	84.305.722	121.566.912	5.667.857.710
- Thanh lý, nhượng bán	(345.307.969)	-	-	(73.090.909)	-	(418.398.878)
- Góp vốn đầu tư	(7.199.239.063)	(809.306.418)	(206.091.000)	-	-	(8.214.636.481)
Số dư cuối năm	14.644.119.713	15.930.030.993	3.549.908.278	286.356.089	823.355.512	35.233.770.585
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	32.522.369.937	17.309.109.433	515.746.064	87.733.779	588.982.231	51.023.941.444
Tại ngày cuối năm	19.471.139.963	15.529.893.616	373.926.419	217.776.057	467.415.319	36.060.151.374

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 8.032.170.186 đồng.



11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty tại thời điểm 31/12/2015 là giá trị quyền sử dụng của các lô đất Công ty đang quản lý, sử dụng. Tổng nguyên giá của Tài sản cố định vô hình là 91.195.670.450 đồng, trong đó có 84.341.620.282 đồng là nguyên giá của giá trị quyền sử dụng 9.121,2 m2 đất tại Phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâu dài nên không trích khấu hao. Khấu hao trong kỳ của các tài sản còn lại là 190.390.284 đồng, giá trị hao mòn lũy kế tại thời điểm 31/12/2015 là 856.756.278 đồng.

12 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư của Công ty là Nhà và thiết bị của hai tòa nhà số 189 Nguyễn Thị Minh Khai và số 193 Đinh Tiên Hoàng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh với tổng nguyên giá tại 31/12/2015 là 145.463.787.768 đồng. Khấu hao trong kỳ của các tài sản này là 6.052.237.632 đồng, giá trị hao mòn lũy kế tại thời điểm 31/12/2015 là 35.124.753.314 đồng.

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	13.145.106	36.969.455
Chi phí sửa chữa văn phòng làm việc	49.553.515	49.024.956
Chi phí lắp đặt biển tân kho Linh Trung	39.545.455	-
Chi phí sửa chữa xe ô tô, xe nâng	106.914.182	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	61.335.000	-
	270.493.258	85.994.411
b) Dài hạn		
Chi phí sửa chữa Tài sản cố định	162.589.869	261.882.969
Chi phí hỗ trợ mở đường số 13 - kho Linh Trung	1.191.108.000	-
Chi phí trợ cấp thôi việc	542.875.900	-
Chi phí đổi tên giấy chứng nhận sở hữu kho Linh Trung	323.232.324	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	466.981.791	-
	2.686.787.884	261.882.969



CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINHSố 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- R & K Trading Co., LTD	-	-	26.018.942.119	26.018.942.119
- Seiwa Corporation	-	-	51.196.073.468	51.196.073.468
- Công ty TNHH Thép Vina Kyoei	6.818.377.747	6.818.377.747	27.048.374.864	27.048.374.864
- Công Ty TNHH MTV Thép Miền Nam-VNSTEEL	-	-	66.587.591.169	66.587.591.169
- Công ty CP Tôn Đông Á	8.334.018.300	8.334.018.300	-	-
- Công ty TNHH TM Thành Đạt	11.734.156.500	11.734.156.500	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	10.168.549.329	10.168.549.329	38.765.118.923	38.765.118.923
	37.055.101.876	37.055.101.876	209.616.100.543	209.616.100.543
b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán				
- Phải trả người bán ngắn hạn	37.055.101.876	37.055.101.876	209.616.100.543	209.616.100.543
	37.055.101.876	37.055.101.876	209.616.100.543	209.616.100.543
c) Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37.)				
	8.138.478.914	8.138.478.914	28.323.492.004	28.323.492.004



CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINHSố 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	517.555.670	74.704.109.566	75.221.665.236	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	102.579.428	102.579.428	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	1.653.666.340	1.124.491.330	3.630.823.107	852.665.437	-
Thuế Thu nhập cá nhân	78.081.966	-	945.490.662	770.080.290	-	97.328.406
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	1.038.535.965	19.914.943.227	20.754.882.104	-	198.597.088
Các loại thuế khác	-	-	12.000.000	12.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	326.745.654	326.745.654	-	-
	78.081.966	3.209.757.975	97.130.359.867	100.818.775.819	852.665.437	295.925.494

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINHSố 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	472.999.621	470.937.443
- Chi phí thuê kho, bốc xếp, vận chuyển	42.496.272	121.968.345
- Chi phí điện, nước, điện thoại	8.288.400	58.256.128
- Chi phí bán hàng	60.242.529	157.691.913
- Chi phí hỗ trợ bảo lãnh	57.325.000	781.041.667
- Chi phí phải trả khác	75.000.000	226.564.895
	716.351.822	1.816.460.391

17 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	47.971.560	101.563.860
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	54.000.000	-
- Cổ tức phải trả	36.939.325	21.870.825
- Công ty Cổ phần Vĩnh Tiến	-	1.000.000.000
- Chiết khấu sản lượng phải trả khách hàng	210.948.900	1.227.560.870
- Tiền thuê văn phòng phải trả Tổng Công ty Thép Việt Nam	528.000.000	-
- Tiền ứng trước thuê văn phòng	575.537.836	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	426.807.470	142.101.841
	1.880.205.091	2.493.097.396
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	19.919.230.725	17.972.330.003
	19.919.230.725	17.972.330.003

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

18 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2015		Trong năm		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn	491.090.120.484	491.090.120.484	2.165.202.781.646	2.146.079.982.722	510.212.919.408	510.212.919.408
- Ngân hàng TMCP Công thương- CN Hồ Chí Minh ⁽¹⁾	165.594.305.419	165.594.305.419	1.052.479.104.113	1.009.514.291.894	208.559.117.638	208.559.117.638
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển-CN Hồ Chí Minh ⁽²⁾	226.144.000.000	226.144.000.000	984.476.556.379	929.128.739.307	281.491.817.072	281.491.817.072
- Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng ⁽³⁾	49.049.685.209	49.049.685.209	128.247.121.154	157.134.821.665	20.161.984.698	20.161.984.698
- Ngân hàng Indovina	9.353.887.048	9.353.887.048	-	9.353.887.048	-	-
- Ngân hàng HSBC	40.948.242.808	40.948.242.808	-	40.948.242.808	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	9.780.000.000	9.780.000.000	-	9.780.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Công thương- CN Hồ Chí Minh	9.780.000.000	9.780.000.000	-	9.780.000.000	-	-
	500.870.120.484	500.870.120.484	2.165.202.781.646	2.155.859.982.722	510.212.919.408	510.212.919.408
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Công thương- CN Hồ Chí Minh	17.939.999.999	17.939.999.999	-	17.939.999.999	-	-
	17.939.999.999	17.939.999.999	-	17.939.999.999	-	-
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(9.780.000.000)	(9.780.000.000)	-	(9.780.000.000)	-	-
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	8.159.999.999	8.159.999.999				

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Khoản vay với ngân hàng TMCP Công thương-Chi nhánh Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 15.2820052/2015-HĐTDHM/NHCT900-KIM KHI ngày 30/10/2010, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 600 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn cho vay: Đến hết 30/10/2016;
 - + Lãi suất cho vay: Quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.
- (2) Khoản vay với ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển-Chi nhánh Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2015/94697/HĐTD ngày 01/07/2015, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 600 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn cho vay: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
 - + Lãi suất cho vay: Quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.
- (3) Khoản vay với ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 224/2015/HĐHM/CIB-HCM ngày 12/10/2015, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 100 tỷ đồng trong đó hạn mức cho vay 50 tỷ hoặc ngoại tệ tương đương;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn cho vay: Quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ nhưng không quá 05 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: Quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

C.T.
Y
HỒI
EM T
AS
KIEM

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	210.000.000.000	37.225.230.000	67.374.856.129	1.373.466.830	23.862.424.059	339.835.977.018
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	22.456.181.355	22.456.181.355
Phân phối lợi nhuận	-	-	500.000.000	200.000.000	(4.134.865.887)	(3.434.865.887)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(17.850.000.000)	(17.850.000.000)
Giảm khác	-	-	(10.216.299.307)	-	-	(10.216.299.307)
Số dư cuối năm trước	210.000.000.000	37.225.230.000	57.658.556.822	1.573.466.830	24.333.739.527	330.790.993.179
Số dư đầu năm nay	210.000.000.000	37.225.230.000	57.658.556.822	1.573.466.830	24.333.739.527	330.790.993.179
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	(33.441.986.587)	(33.441.986.587)
Trích lập Quỹ Đầu tư phát triển	-	-	500.000.000	-	(500.000.000)	-
Trích lập Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	200.000.000	(200.000.000)	-
Trích lập quỹ Khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(2.590.633.930)	(2.590.633.930)
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	(21.000.000.000)	(21.000.000.000)
Tăng khác (*)	-	-	2.376.947.175	-	-	2.376.947.175
Số dư cuối năm nay	210.000.000.000	37.225.230.000	60.535.503.997	1.773.466.830	(33.398.880.990)	276.135.319.837

(*) Theo Quyết định số 6061/QĐ-CT-XP ngày 27/12/2014 của Cục thuế Tp.Hồ Chí Minh, số thuế Thu nhập doanh nghiệp truy thu năm 2012 giảm so với số liệu trên thông báo trước đó (Quyết định số 165/QĐ-CT-XP-TT1 ngày 16/01/2014) là 2.376.947.175 đồng. Trong năm 2014, Công ty đã thực hiện nộp và trích nguồn từ quỹ Đầu tư phát triển đối với giá trị Thuế thu nhập doanh nghiệp truy thu 2012 theo Quyết định 165/QĐ-CT-XP-TT1. Trong năm 2015, Công ty thực hiện ghi nhận tăng nguồn Đầu tư phát triển tương ứng số thuế Thu nhập doanh nghiệp được giảm trên.



CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 68/NQ-ĐHĐCĐ ngày 04 tháng 04 năm 2015, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2014 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	24.333.739.527
Trích Quỹ đầu tư phát triển	2,05%	500.000.000
Trích Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	0,82%	200.000.000
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	10,65%	2.590.633.930
Chi trả cổ tức (bằng 10% vốn điều lệ)	86,30%	21.000.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	0,18%	43.105.597

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP	55,67%	116.905.700.000	55,67%	116.905.700.000
Trần Linh Phong	5,60%	11.750.000.000	5,06%	10.616.900.000
Vốn góp của cổ đông khác	38,73%	81.344.300.000	39,27%	82.477.400.000
	100%	210.000.000.000	100%	210.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	210.000.000.000	210.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	210.000.000.000	210.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	210.000.000.000	210.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21.000.000	21.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	21.000.000	21.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	21.000.000	21.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.000.000	21.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	21.000.000	21.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Quỹ đầu tư phát triển	60.535.503.997	57.658.556.822
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.773.466.830	1.573.466.830
	62.308.970.827	59.232.023.652



CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINHSố 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**a) Ngoại tệ các loại**

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	606.863,87	3.623,53
- Đồng Euro (EUR)	201,75	201,51

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Các khoản xử lý nợ từ những năm trước	1.669.139.914	1.669.139.914
Các khoản xử lý nợ trong năm 2015	36.749.417.329	-
	<u>38.418.557.243</u>	<u>1.669.139.914</u>

Trong năm 2015, Công ty có thực hiện xử lý công nợ khó đòi bổ sung của một số công ty. Hiện Công ty vẫn đang tích cực thực hiện các giải pháp để thu hồi các khoản công nợ khó đòi trên.

21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	1.993.693.058.513	2.873.782.727.035
Doanh thu cung cấp dịch vụ	52.867.655.577	54.752.161.166
	<u>2.046.560.714.090</u>	<u>2.928.534.888.201</u>
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37.)	<u>158.904.013.808</u>	<u>771.570.646.551</u>

22 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	3.109.797.410	8.687.617.020
Hàng bán bị trả lại	370.280.290	1.845.415
Giảm giá hàng bán	588.252.200	-
	<u>4.068.329.900</u>	<u>8.689.462.435</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINHSố 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.996.863.376.063	2.802.096.105.164
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	9.823.895.264	9.287.574.616
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	9.851.354.311	(15.176.281.237)
	<u>2.016.538.625.638</u>	<u>2.796.207.398.543</u>

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	714.060.745	350.791.762
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	5.508.210.422	20.997.793.403
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	209.650.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	658.671.759	1.823.791.211
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	43.105.597
Lãi chuyển nhượng vốn Công ty Depot	5.903.400.000	-
Lãi bán cổ phiếu Vietinbank	1.622.193.700	-
	<u>14.406.536.626</u>	<u>23.425.131.973</u>

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	34.387.252.544	35.066.799.300
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	18.087.362	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	3.925.977.807	2.493.289.732
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	42.543.995	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	2.474.896.000	(1.150.000.000)
Chi phí tài chính khác	5.611.192	56.779.389
	<u>40.854.368.900</u>	<u>36.466.868.421</u>

26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	809.306.015	556.847.928
Chi phí nhân công	17.777.732.057	21.952.684.780
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.858.247.994	5.737.003.496
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.580.828.916	12.327.943.695
Chi phí khác bằng tiền	3.468.837.100	5.711.763.370
	<u>36.494.952.082</u>	<u>46.286.243.269</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINHSố 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	338.059.272	298.983.217
Chi phí nhân công	5.428.410.700	9.250.101.155
Thuế, phí, lệ phí	49.165.288	-
Chi phí dự phòng	4.841.328.359	19.427.906.485
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.547.675.027	1.757.785.848
Chi phí khác bằng tiền	8.207.758.287	9.576.866.087
	20.412.396.933	40.311.642.792

28 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	129.327.272	-
Lãi do đánh giá lại tài sản để góp vốn vào Công ty CP Depot SG	18.594.729.232	-
Tiền phạt thu được	343.425.090	2.591.941.486
Thu đền bù giải tỏa	-	3.379.966.315
Thu hàng thừa	268.681.512	563.822.848
Lãi chênh lệch chuyển nhượng dự án số 5 - Quốc Hương	4.319.627.274	-
Thu nợ khó đòi đã xử lý	3.078.488.571	-
Thu nhập khác	115.409.322	23.266.954
	26.849.688.273	6.558.997.603

29 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Các khoản bị phạt	151.782.357	312.301.157
Chi phí đền bù, giải tỏa	-	1.102.176.257
Chi phí góp vốn thành lập công ty Depot SG	1.613.978.436	-
Chi phí khác	-	31.258.130
	1.765.760.793	1.445.735.544

30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
1. Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(36.637.122.531)	29.111.666.773
Các khoản điều chỉnh tăng	151.782.357	570.500.970
- Chi phí không hợp lệ	151.782.357	570.500.970
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(209.650.000)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	(209.650.000)
Thu nhập tính thuế TNDN	(36.485.340.174)	29.472.517.743
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 22%)	-	6.483.953.903
Thuế TNDN truy thu theo Quyết định của Cơ quan thuế	174.173.330	171.531.515
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm	174.173.330	6.655.485.418
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	1.653.666.340	2.598.497.410
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp kỳ này	(2.376.947.175)	10.216.299.307
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(1.253.875.932)	(17.816.615.795)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm của hoạt động kinh doanh chính	(1.802.983.437)	1.653.666.340
2. Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh bất động sản (Chuyển nhượng dự án Số 5 Quốc Hương)		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế từ HĐKD bất động sản	4.319.627.274	-
Thu nhập tính thuế TNDN	4.319.627.274	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 22%)	950.318.000	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	-	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm của HĐKD bất động sản	950.318.000	-
3. Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	1.124.491.330	6.655.485.418
4. Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	(852.665.437)	1.653.666.340

1111
CÔNG
TÍCH NHẬP
KINH K
A
TOÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINHSố 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

31 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	(33.441.986.587)	22.456.181.355
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(33.441.986.587)	22.456.181.355
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	21.000.000	21.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.592)	1.069

Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông của Công ty để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2014 bao gồm cả số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Năm 2015, theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC, số dự tính phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được loại ra khi tính Lãi cơ bản trên cổ phiếu.

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.147.365.287	272.167.857
Chi phí nhân công	23.206.142.757	30.199.177.373
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.910.485.626	12.357.141.288
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.747.889.220	17.803.878.236
Chi phí khác bằng tiền	15.047.450.107	32.682.294.201
	63.059.332.997	93.314.658.955

33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản trương đương tiền	20.341.953.733	-	10.835.472.681	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	226.053.290.856	(1.573.119.423)	372.717.239.057	(33.481.208.393)
Đầu tư ngắn hạn	23.000.000.000	(13.800.000.000)	23.000.000.000	(18.745.000.000)
Đầu tư dài hạn	35.079.250.000	(21.419.896.000)	37.587.633.300	(14.000.000.000)
	304.474.494.589	(36.793.015.423)	444.140.345.038	(66.226.208.393)

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINHSố 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

	Giá trị số kế toán	
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	510.212.919.408	509.030.120.483
Phải trả người bán, phải trả khác	58.854.537.692	230.081.527.942
Chi phí phải trả	716.351.822	1.816.460.391
	569.783.808.922	740.928.108.816

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2015				
Tiền và các khoản trương đương tiền	20.341.953.733	-	-	20.341.953.733
Phải thu khách hàng, phải thu khác	224.480.171.433	-	-	224.480.171.433
Đầu tư ngắn hạn	9.200.000.000	-	-	9.200.000.000
Đầu tư dài hạn	-	13.659.354.000	-	13.659.354.000
	254.022.125.166	13.659.354.000	-	267.681.479.166
Tại ngày 01/01/2015				
Tiền và các khoản trương đương tiền	10.835.472.681	-	-	10.835.472.681
Phải thu khách hàng, phải thu khác	339.236.030.664	-	-	339.236.030.664
Đầu tư ngắn hạn	4.255.000.000	-	-	4.255.000.000
Đầu tư dài hạn	-	23.587.633.300	-	23.587.633.300
	354.326.503.345	23.587.633.300	-	377.914.136.645

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2015				
Vay và nợ	510.212.919.408	-	-	510.212.919.408
Phải trả người bán, phải trả khác	58.854.537.692	-	-	58.854.537.692
Chi phí phải trả	716.351.822	-	-	716.351.822
	569.783.808.922	-	-	569.783.808.922
Tại ngày 01/01/2015				
Vay và nợ	500.870.120.484	8.159.999.999	-	509.030.120.483
Phải trả người bán, phải trả khác	230.081.527.942	-	-	230.081.527.942
Chi phí phải trả	1.816.460.391	-	-	1.816.460.391
	732.768.108.817	8.159.999.999	-	740.928.108.816

1105.
CÔNG TY
KIỂM T
AAS
KIỂM T

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINHSố 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

34 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường;	2.165.202.781.646	2.959.915.213.147
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường;	2.164.019.982.721	2.965.818.901.360

35 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC NĂM TÀI CHÍNH

Ngày 18/01/2016 Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành nghị quyết 05/NQ-NK về việc chấp thuận phương án chuyển nhượng Dự án chung cư tại số 370 Nguyễn Văn Quỳ, Phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Đối tác chuyển nhượng dự kiến là Công ty cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Địa ốc Đất Xanh và giá trị chuyển nhượng dự kiến là 102 tỷ đồng.

Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

36 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm kinh doanh mua bán kim khí, phế liệu và sản phẩm kim loại. Hoạt động cung cấp dịch vụ cho thuê kho bãi, văn phòng và kinh doanh bất động sản đầu tư chiếm tỷ trọng không trọng yếu trong tổng doanh thu của Công ty. Công ty cũng chưa tổ chức cơ cấu theo các bộ phận. Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh chính được trình bày tại Thuyết minh số 21 và 23 phần Thuyết minh báo cáo tài chính. Về mặt địa lý, Công ty chủ yếu hoạt động kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam.

Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo tài chính bộ phận trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

37 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:



CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Bán hàng		158.904.013.808	771.570.646.551
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ	-	4.749.856.430
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam	Cùng Công ty mẹ	24.196.879.200	8.886.893.788
Công ty CP Thép Biên Hòa	Cùng Công ty mẹ	2.936.666.151	347.592.524.498
Công ty CP Thép Thủ Đức	Cùng Công ty mẹ	29.874.182.278	247.795.313.148
Công ty CP Kim khí Miền Trung	Cùng Công ty mẹ	2.962.276.934	555.464.965
Công ty CP Lưới thép Bình Tây	Cùng Công ty mẹ	-	27.341.693.628
Công ty CP Thép Nhà Bè	Cùng Công ty mẹ	12.256.664.000	12.816.277.540
Công ty Thép Tây Đô	Cùng Công ty mẹ	-	35.674.687.620
Công ty CP Thép Đà Nẵng	Cùng Công ty mẹ	-	27.317.582.112
Công ty CP Thép Tấm lá Thống Nhất	Đầu tư khác	86.677.345.245	56.853.000.422
Công ty CP Cơ khí Luyện Kim	Cùng Công ty mẹ	-	1.987.352.400
Mua hàng		907.335.425.637	1.216.470.534.030
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ	265.721.261	87.360.055.420
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam	Cùng Công ty mẹ	645.470.837.328	801.998.063.230
Công ty CP Thép Biên Hòa	Cùng Công ty mẹ	1.078.273.060	626.141.340
Công ty CP Thép Nhà Bè	Cùng Công ty mẹ	1.153.771.200	6.608.800.880
Công ty CP Thép Đà Nẵng	Cùng Công ty mẹ	-	28.606.987.585
Công ty TNHH MTV Thép Tấm lá Phú Mỹ	Cùng Công ty mẹ	18.193.565.232	26.363.697.341
Công ty Thép Vinakyoel	Cùng Công ty mẹ	239.170.761.456	264.906.788.234
Công ty CP Thép Tấm lá Thống Nhất	Đầu tư khác	2.002.496.100	-

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	Mối quan hệ	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		69.014.539.980	84.764.894.805
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam	Cùng Công ty mẹ	12.194.319.500	-
Công ty CP Thép Tấm lá Thống Nhất	Đầu tư khác	56.820.220.480	56.396.880.620
Công ty CP Thép Đà Nẵng	Cùng Công ty mẹ	-	21.976.165.101
Công ty CP Thép Thủ Đức	Cùng Công ty mẹ	-	1.852.681.600
Công ty CP Lưới thép Bình Tây	Cùng Công ty mẹ	-	4.539.167.484
Phải trả người bán ngắn hạn		8.138.478.914	28.323.492.004
Công ty CP Thép Nhà Bè	Cùng Công ty mẹ	-	1.275.117.140
Công ty TNHH MTV Thép Tấm lá Phú Mỹ	Cùng Công ty mẹ	19.766.736	-
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam	Cùng Công ty mẹ	1.300.334.431	-
Công ty Thép Vinakyoel	Cùng Công ty mẹ	6.818.377.747	27.048.374.864

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.263.704.501	1.666.587.571



CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

38 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán phía Nam kiểm toán. Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để so sánh với số liệu năm nay.

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Thay đổi
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
121	1. Đầu tư ngắn hạn	23.000.000.000	121	1. Chứng khoán kinh doanh	23.000.000.000	(23.000.000.000)
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(18.745.000.000)	122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(18.745.000.000)	18.745.000.000
135	5. Các khoản phải thu khác	7.860.128.865	136	6. Phải thu ngắn hạn khác	11.150.732.358	3.290.603.493
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	3.290.603.493	155	5. Tài sản ngắn hạn khác	-	(3.290.603.493)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	2.766.622.639	242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	2.766.622.639	(2.766.622.639)
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	210.000.000.000	411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	210.000.000.000	
417	7. Quỹ đầu tư phát triển	56.888.841.446	411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	210.000.000.000	
418	8. Quỹ dự phòng tài chính	769.715.376	418	8. Quỹ đầu tư phát triển	57.658.556.822	769.715.376
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	24.333.739.527	421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	24.333.739.527	-
			421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	1.877.558.172	
			421b	- LNST chưa phân phối năm nay	22.456.181.355	



Mai Viêt Thanh Vân

Người lập



Võ Thị Lệ Châu

Kế toán trưởng




Đặng Huy Hiệp

Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 01 năm 2016

